TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC Z - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 17 – 7 – 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng thuê tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC Z - CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Ngọc Hân
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Đoàn Thị Bẩy
Bà Vũ Thị Mỹ Linh
***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực Z - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực Z - Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2025/TLST - DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần S**
Địa chỉ: Đường ND, phường TV, tỉnh Nghệ An.
Đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo văn bản uỷ quyền số 196/2023/UQ-SVN ngày 01/12/2023): Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1989. (xin vắng mặt).
Địa chỉ liên hệ: Đường LK, phường T, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé TH**, sinh năm: 1979. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Đường PC, khóm E, phường G, (nay là phường T), Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2025, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày và xác định yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Ngày 03/12/2024 chị Nguyễn Thị Bé TH ký với Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) Hợp đồng cầm cố tài sản số 6CM241201002NA23X và Thỏa thuận thuê tà sản. Chị TH cầm cố tài sản của chị TH là xe mô tô biển kiểm soát 69AA-153.95, nhãn hiệu HONDA, giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 005469 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/4/2024 cho chị Nguyễn Thị Bé TH. Số tiền cầm cố là 21.436.170 đồng; thời hạn cầm cố là 12; lãi suất cầm cố bằng 1,1% số tiền cầm cố/tháng; lãi suất quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0,5% số tiền cầm cố/tháng; phí thuê/mượn xe

1.732.021,28 đồng/tháng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; chi phí tố tụng bằng 10%/dư nợ gốc,lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán. Mục đích cầm cố: Sử dụng cho mục đích tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, không vi phạm pháp luật. Các nội dung khác thoả thuận theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng đã ký. Tài sản cầm cố nêu trên của chị TH đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống trực tuyến của cục đăng ký quốc gia. Công ty đã giải ngân cho chị TH số tiền 21.436.170 đồng cùng ngày 03/12/2024.

Trong phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng cầm cố nêu trên có thỏa thuận nội dung bên cầm cố đồng ý cho bên nhận cầm cố quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp chấm dứt.

Do nhu cầu đi lại phục vụ cho công việc, cùng ngày 03/12/2024 chị TH xin thuê lại chiếc xe cầm cố với thời gian 01 năm (từ ngày 03/12/2024 đến ngày 03/12/2025) và cam kết trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm thỏa thuận theo yêu cầu của Công ty. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị TH không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận, chưa thanh toán cho Công ty khoản tiền nào dù Công ty đã nhắc nhỡ.

Công ty cổ phần S yêu cầu Chị Nguyễn Thị Bé TH:

- Thanh toán khoản nợ tạm tính đến ngày 04/3/2025 là 31.879.093 đồng (trong đó: Nợ gốc 921.436.170 đồng, lãi trong hạn 707.394 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 321.543 đồng, lãi quá hạn 397.076 đồng, phí thuê/mượn xe 3.472.660 đồng, phí thanh lý trước hạn 1.500.532 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.797.209 đồng, chi phí tố tụng 2.246.511 đồng).

- Yêu cầu chị TH tiếp tục thanh toán khoản lãi, phí phát sinh theo các hợp đồng đã ký kể từ ngày 04/3/2025 đến khi chị THthanh toán xong nợ.

Tại Bản tự khai đề ngày 16/7/2025, anh Trần Thanh Trí (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày và xác định yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Đại diện theo ủy quyền của Công ty giữ nguyên trình bày của đại diện theo pháp luật của Công ty được nêu tại đơn khởi kiện. Đồng thời xác định chị TH thỏa thuận thuê lại chiếc xe biển số kiểm soát 69AA-153.95 với giá thuê 1.153.553,19 đồng/tháng. Nay Công ty yêu cầu chị TH thanh toán cho Công ty khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 03/12/2024 nêu trên với số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2025 làm tròn là 31.271.000 đồng (trong đó: Tiền gốc 21.436.170 đồng, lãi trong hạn với mức lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày 03/12/2024 đến ngày 17/7/2025 là: 21.436.170 đồng x 1,1%/tháng x 07 tháng 14 ngày = 1.760.624 đồng; phí thuê xe từ ngày thuê xe đến nay là: 1.153.553,19 đồng x 07 tháng = 8.074.872,33 đồng). Công ty xin rút lại các yêu cầu khác.

Đối với chị Nguyễn Thị Bé TH: Tòa án đã thông báo cho chị TH về việc thụ lý vụ án, thông báo cho chị TH đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập chị TH đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng chị TH vẫn không có mặt tại Tòa án theo Thông báo, triệu tập của Tòa án; chị TH cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Công ty cổ phần S khởi kiện chị Nguyễn Thị Bé TH yêu cầu thanh toán khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê tài sản chị TH đã ký với

Công ty cổ phần S. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị TH đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị TH vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần S yêu cầu được vắng mặt tại phiên toà xét vụ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và đại diện nguyên đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 6CM241201002NA23X ngày 03/12/2024, Phụ lục hợp đồng và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 03/12/2024 đã ký giữa chị Nguyễn Thị Bé TH với chi nhánh Công ty cổ phần S thì tài sản chị Nguyễn Thị Bé TH cầm cố cho Công ty cổ phần S là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 69AA-153.95, loại xe Honda thuộc quyền sở hữu của chị TH. Số tiền cầm cố là 21.436.170 đồng; thời hạn cầm cố 12 tháng kể từ ngày 03/12/2024 đến ngày 03/12/2025. Chi TH cũng đã thuê lại xe trên để sử dụng từ ngày 03/12/2024. Thỏa thuận nêu trên và các thỏa thuận khác đã ký giữa Công ty với chị TH là phù hợp với quy định pháp luật và được thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị TH vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thoả thuận nên Công ty có quyền khởi kiện, yêu cầu chị TH thanh toán nợ trước hạn hợp đồng. Căn cứ vào các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng cầm cố và Thỏa thuận thuê tài sản đã ký ngày 03/12/2024 giữa Công ty với chị TH thì số tiền Công ty yêu cầu chị TH thanh toán tạm tính đến ngày 17/7/2025 tổng số tiền làm tròn là 31.271.000 đồng (trong đó: Tiền gốc 21.436.170 đồng, lãi trong hạn 1.760.624 đồng; phí thuê xe 8.074.872,33 đồng) là có căn cứ. Chị TH cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty. Do đó yêu cầu của Công ty về việc yêu cầu chị TH thanh toán nợ tính đến ngày 17/7/2025 với tổng số tiền 31.271.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do Công ty rút lại các yêu cầu khởi kiện còn lại nên cần đình các yêu cầu khởi kiện còn lại của Công ty.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Bé TH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần S không phải chịu án phí nên được hoàn lại án phí đã dự nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 299, 309, 310, 311, 314, 357, 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

Buộc chị Nguyễn Thị Bé TH thanh toán cho Công ty cổ phần S khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản số 6CM241201002NA23X ngày 03/12/2024 và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 03/12/2024 gồm vốn và lãi tính đến ngày 17/7/2025 với tổng số tiền 31.271.000 đồng (trong đó: Tiền gốc là 21.436.170 đồng; còn lại là tiền lãi và phí thuê xe).

Buộc chị Nguyễn Thị Bé TH tiếp tục thanh toán cho Công ty cổ phần S khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 6CM241201002NA23X ngày 03/12/2024 chị

Nguyễn Thị Bé TH đã ký với Công ty cổ phần S từ ngày 18/7/2025 đến khi chị TH thanh toán xong nợ cho Công ty cổ phần S.

Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả lại giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 005469 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 18/4/2024 cho chị Nguyễn Thị Bé TH khi chị Thuỷ thanh toán xong nợ cho Công ty.

2 - Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Bé TH thanh toán các khoản phí quản lý hồ sơ cố định 321.543 đồng, lãi quá hạn 397.076 đồng, phí thanh lý trước hạn 1.500.532 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.797.209 đồng, chi phí tố tụng 2.246.511 đồng.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Nguyễn Thị Bé TH phải chịu 1.563.000 đồng. Chị TH phải nộp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty cổ phần S không phải chịu án phí. Công ty cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp với số tiền 797.000 đồng *(đã dự nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau ngày 27/3/2025 theo Biên lai thu số 0010562)* khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4 - Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần S, chị Nguyễn Thị Bé TH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực Z - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực Z - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân